

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày: 19/4/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/HSST ngày 27 tháng 2 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đinh Văn H, sinh năm: 1995, tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Đinh Thị L, sinh năm 1974; Tiền án: Ngày 01/3/2016 thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, ngày 11/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B tuyên phạt 12 tháng tù giam.. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/10/2017 cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại:

1/ Đinh Thị L; Sinh năm: 1974 (Có mặt)

Trú tại: thôn B, xã N, huyện B, tỉnh B.

2/ Huỳnh Thị Thúy H1; Sinh năm: 1975 (Có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh B

3/ Hồ Thị M; Sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Thế V; Sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

2/ Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn c, xã Đ, huyện B, tỉnh B

- Người làm chứng:

1/ Huỳnh Đ; Sinh năm: 1996 (Vắng mặt)
2/ Nguyễn Thanh C; Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh B
3/ Lê Văn H; Sinh năm: 1998 (Vắng mặt)
Trú tại: thôn D, xã P, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào sáng ngày 16/5/2017, bà Đinh Thị L giao xe mô tô biển số 93L1-16xxx cho con trai ruột là Đinh Văn H quản lý, còn bà L đi đám cưới vắng nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên nên điều khiển xe ra ngã ba Sao Bọng thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng. Do không có chứng minh nhân dân nên H gặp và nhờ Huỳnh Thế V cho mượn chứng minh nhân dân và bán xe giùm thì V đồng ý. Cả hai đi đến tiệm cầm đồ “GT” thuộc thôn b, xã Đ, huyện B gặp chị Nguyễn Thị T là chủ tiệm cầm đồ. Sau khi thỏa thuận, H và V đồng ý bán chiếc xe trên cho chị T với số tiền 6.500.000đ. Hai bên làm giấy tờ mua bán xe, V là người ký tên vào giấy bán xe cho chị T. Sau khi bán xe xong V về nhà còn H cầm hết số tiền bán xe đi xuống TP. Hồ Chí Minh. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bà L về nhà không thấy H và xe mô tô chỉ thấy trên cửa có gài một tờ giấy mua bán xe giữa tiệm cầm đồ “GT” với V. Bà L đã gọi điện thoại thì H nói đã bán chiếc xe trên cho tiệm cầm đồ “GT” để lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bà L đến Công an xã Nghĩa Bình để trình báo sự việc.

Ngoài vụ việc trên Đinh Văn H còn thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 ngày 07/10/2017, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở H đi từ xã Đức Liễu theo đường quốc lộ 14 về hướng thị xã Đồng Xoài với mục đích tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực chợ A thuộc thôn x, xã N, huyện B, T1 và H phát hiện 01 xe mô tô biển số: 93F8-2xxx của chị Huỳnh Thị Thúy H1 đang dựng trước cửa tiệm thuốc tây “TH” không người trông coi, chìa khóa cắm trên xe. Thấy vậy, T1 quay đầu xe lại và dừng lại ngoài đường cảnh giới, còn H đi bộ vào mở khóa và dắt xe ra ngoài đường. Lúc này, chị H1 phát hiện liền tri hô thì H nổ máy điều khiển xe của chị H1 bỏ chạy theo đường tắt từ Bù Na qua xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập còn T1 chạy xe theo sau. Chị H1 nhờ người truy đuổi nhưng không được. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô H liên lạc với 01 người tên Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) bán xe mô tô vừa chiếm đoạt được cho Tý với giá 2.500.000 đồng. H và T1 chia nhau tiêu xài hết số tiền này.

Sáng ngày 25/10/2017, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở H đi từ xã N, huyện B sang xã Đ, huyện B, tỉnh B tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai tới quán tạp hóa “HM” của chị Hồ Thị M dừng lại vào quán mua nước uống nhưng không thấy người trông coi, H gọi chủ quán nhưng không có ai trả lời. Lúc này, H nhìn

thấy trên bàn ở cửa quán có để một giỏ xách, nhìn vào bên trong giỏ xách thấy có tiền và Card điện thoại nên H lấy giỏ xách rồi cùng T1 lên xe chạy đến khu vực vườn điều thuộc khu phố R, phường TM, thị xã PL, tỉnh B dừng lại lấy giỏ xách ra kiểm tra thấy bên trong có số tiền 374.000 đồng và 47 Card điện thoại di động gồm: 22 Card Viettel mệnh giá 20.000đ; 12 Card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ; 03 Card Viettel mệnh giá 100.000đ; 04 Card Mobifone mệnh giá 50.000đ; 04 Card Mobifone mệnh giá 100.000đ; 02 Card Mobifone mệnh giá 20.000đ (tổng số tiền Card điện thoại là 1.980.000đ) và 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Honda. Sau khi lấy hết tiền, Card điện thoại và chìa khóa xe trong giỏ xách thì H vứt giỏ xách lại rồi cùng T1 đi đến tiệm điện thoại “GH” thuộc phường P, thị xã P, tỉnh B để bán Card điện thoại vừa chiếm đoạt được. Lúc này lực lượng Công an phường Phước Bình kiểm tra, bắt được H cùng tang vật, còn T1 lên xe mô tô chạy thoát.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 53/KL-ĐG ngày 12/7/2017 và bản kết luận định giá tài sản số: 88/KL-ĐG ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: Xe mô tô biển số: 93L1-16xxx có giá trị 13.000.000 đồng; Xe mô tô biển số: 93F8-2xxx có giá trị là 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Đinh Văn H chiếm đoạt được trong 03 vụ án trên là 18.354.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số: 93L1-16xxx là tài sản của bà Đinh Thị L. Ngày 25/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà L; 01 xe mô tô biển số 93F8 - 2655 là tài sản của chị Huỳnh Thị Thúy H1, H đã bán cho người tên Tý chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa thu hồi được; Số tiền 374.000 đồng, 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Honda, (có chữ SB, safe bike có số 0006178400 bằng kim loại màu trắng, bọc nhựa màu đen bên ngoài), 01 giỏ xách bằng giấy màu xanh, dạng hình hộp, kích thước cao 31cm, sâu 95cm, ngang 28cm, bên ngoài có chữ DANNISA và 47 Card điện thoại di động các loại là tài sản của chị Hồ Thị M. Ngày 20/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M; 01 đoạn phá khóa bằng kim loại H khai nhận sử dụng đoạn này đi trộm cắp xe mô tô nhưng chưa sử dụng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ công tác xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Thúy H1 yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng nhưng đến nay bị cáo chưa bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thế V yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.500.000 đồng mà mình đã trả cho tiệm cầm đồ “GT” nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa hoàn trả.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo bằng kim loại dài khoảng 23 cm, cán bọc nhựa màu đen.

Tại bản cáo trạng số: 15/CTr –VKS ngày 27/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Đinh Văn H về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Văn H từ 15 đến 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng Khoản 1 Điều 140, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Văn H từ 15 đến 18 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt về hai tội. Về vật chứng vụ án: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” một đầu nhọn; Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các đương sự; Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Đinh Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bà Đinh Thị L giao xe mô tô biển kiểm soát 93L1-16xxx cho con trai ruột là Đinh Văn H quản lý để hàng ngày chở mủ cao su đi bán. Khoảng 14 giờ ngày 16/5/2017, H điều khiển xe đi Đồng Xoài, nhưng trên đường đi đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Do không có chứng minh nhân dân nên H gặp và nhờ Huỳnh Thế V cho mượn chứng minh nhân dân và bán xe giùm thì V đồng ý. Cả hai đi đến tiệm cầm đồ “GT” thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng gặp chị Nguyễn Thị T là chủ tiệm cầm

đồ. Sau khi thỏa thuận, H và V đồng ý bán chiếc xe trên cho chị T với số tiền 6.500.000đ. Hai bên làm giấy tờ mua bán xe, V là người ký tên vào giấy bán xe cho chị T. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá là 13.000.000 đồng.

Ngoài ra vào khoảng 11 giờ 30 ngày 07/10/2017, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở H đi từ xã Đức Liễu theo đường quốc lộ 14 về hướng thị xã Đồng Xoài với mục đích tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực chợ Bù Na thuộc thôn x, xã N, huyện B, T1 và H phát hiện 01 xe mô tô biển số: 93F8-2xxx của chị Huỳnh Thị Thúy H1 đang dựng trước cửa tiệm thuốc tây “TH” không người trông coi, chìa khóa cắm trên xe. Nên lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo H và T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 93F8-2xxx của chị Huỳnh Thị Thúy H1 có trị giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Và sáng ngày 25/10/2017, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở H đi từ xã N, huyện B sang xã Đ, huyện B, tỉnh B tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai tới quán tạp hóa “HM” của chị Hồ Thị M dừng lại vào quán mua nước uống nhưng không thấy người trông coi, H gọi chủ quán nhưng không có ai trả lời nên lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo H và T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là số tiền 374.000 đồng và 47 Card điện thoại di động gồm: 22 Card Viettel mệnh giá 20.000đ; 12 Card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ; 03 Card Viettel mệnh giá 100.000đ; 04 Card Mobifone mệnh giá 50.000đ; 04 Card Mobifone mệnh giá 100.000đ; 02 Card Mobifone mệnh giá 20.000đ (tổng số tiền Card điện thoại là 1.980.000đ). Tổng số tiền bị chiếm đoạt là 2.354.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản, bị cáo Đinh Văn H chiếm đoạt trong ba vụ án trên là 18.354.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Đinh Văn H đã phạm vào tội về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của mẹ mình đã lấy tài sản đi bán và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm mang tính giản đơn trong hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và là người giữ vai trò thực hành tích cực.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số 77/2016/HSST ngày 11/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B tuyên phạt 12 tháng tù giam, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này là tái phạm. Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 10/2017 bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản thân bị cáo mặc dù không có tiền sự, nhưng là người có nhân thân xấu, vào ngày 10/5/2012 Ủy ban nhân dân huyện B quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là con em lao động là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 đoạn phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” một đầu nhọn là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ theo căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Thúy H1 yêu cầu trả bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thế V yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị

cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc thỏa thuận trách nhiệm bồi thường giữ bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.000.000đ cho người bị hại Huỳnh Thị Thúy H, bồi thường số tiền 6.500.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thế V.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đinh Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 140, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2017.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Đinh Văn H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.000.000đ cho người bị hại Huỳnh Thị Thúy H, bồi thường số tiền 6.500.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thế V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự 2015, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” một đầu nhọn. (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009578 ngày 31/01/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đinh Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long